

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2025/HC-ST
Ngày: 26-6-2025
V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Khanh.
Ông Võ Văn Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 106/2025/TLST-HC ngày 26/4/2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2025/QĐXXST-HC ngày 09/6/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Hà Thị T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số B khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A KA ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân huyện B là ông Lê Văn L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phạm Thanh T1 – Phó Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện B, tỉnh Long An.

(Bà X có mặt; ông L, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2025 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa có nội dung:

Về nguồn gốc đất: Năm 1999, bà T được họ tộc chia cho lô đất số 37, tờ bản

đồ số 4, diện tích 261m², loại đất ở tại đô thị. Đến năm 2005, tất cả những người được chia đất đều đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 556293 vào ngày 28/10/2005.

Ngày 09/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định số 15364/QĐ-UBND thu hồi 41,7m² của bà T thừa đất số 37 (một phần thửa), tờ bản đồ số 4, loại đất ODT, tại thị trấn B (Theo bản thống kê diện tích loại đất do Trung tâm phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên, môi trường lập ngày 14/6/2021 và chỉnh lý ngày 15/9/2022).

Lý do thu hồi đất: Để giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B.

Ngày 09/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 15476/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Hà Thị T để thực hiện công trình: Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B. Số tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất là 192.743.741 đồng.

Sau khi nhận được 2 Quyết định thu hồi đất và giá trị bồi thường đất bà T không đồng ý giá bồi thường 5.522.958đ/m² và giá 3.364.130đ/m².

Ngày 21/10/2022, bà T nộp đơn “Ý kiến gia đình”: Không đồng ý với dự thảo phương án bồi thường và dự thảo bản chiếc tính giá trị bồi thường khoản A. Đề nghị giá đất thổ cư: 18.000.000đ/m². Lý do: Mặt tiền giáp sông thuận tiện sản xuất kinh doanh và cho thuê mặt bằng; Mặt ngoài đường tiếp giáp đường Bà Chánh T2, thuận tiện cho xe các loại tham gia sản xuất kinh doanh.

Ngày 16/12/2022, bà T nộp Phiếu đăng ký về việc đăng ký nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án bồi thường, GPMB dự án kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B qua địa bàn thị trấn B, huyện B (theo mẫu).

Bà T có ý kiến: Đất của bà T vừa thuận tiện đường bộ và thuận tiện đường sông; giá đền bù đất thổ cư quá thấp so với đất ruộng, nghĩa trang. Bà T không đồng ý nhận kinh phí bồi thường.

Ngày 17/02/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn B lập biên bản làm việc với bà T và kết luận: UBND thị trấn ghi nhận ý kiến của bà T. Riêng về giá đất đã được UBND tỉnh L phê duyệt theo quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 nên không thể xem xét về giá bồi thường. UBND thị trấn B báo cáo UBND huyện xem xét quyết định.

Ngày 07/4/2023, UBND thị trấn lập biên bản làm việc với bà T về việc trao đổi một số nội dung liên quan đến công tác bồi thường GPMB dự án bờ kè chống sạt lở bảo vệ bờ sông T và kết luận: Về phần giá đất theo quy định của Nhà nước, chưa có giá đất của mặt tiền đường thủy; riêng các ý kiến khác: UBND thị trấn ghi nhận và báo cáo Hội đồng bồi thường GPMB xem xét giải quyết theo quy định. Các ý kiến, kiến nghị của bà T được UBND thị trấn B ghi nhận và báo cáo về Ban GPMB, nhưng không được giải quyết trả lời các ý kiến nghị của bà T.

Ngày 30/5/2023, bà T làm đơn yêu cầu kiến nghị gửi Chủ tịch UBND tỉnh L, HĐND tỉnh L, Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh Long An, ông Chủ tịch UBND huyện B. Tôi yêu cầu kiến nghị: “Áp giá bồi thường dự án bờ kè cùng một khung giá, bởi lẽ một dự án không thể bồi thường hai (2) giá. Nhưng dự án bờ kè thị trấn B bồi thường rất nhiều giá, cao nhất là 18.000.000đ/m², khung giá thấp nhất là 3.364.130đ/m², việc áp giá bồi thường kẻ cao người thấp đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình bà T nói riêng và nhân dân thị trấn nói chung và đề nghị áp dụng một khung giá cao nhất của dự án.

Ngày 10/6/2023, UBND huyện B do ông Q Chủ tịch Lê Thành Ú ban hành văn bản số 1025/UBND-QLDA V/v trả lời đơn kiến nghị của công dân. Cụ thể như sau:

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 556293 do UBND huyện B cấp ngày 28/10/2005 do bà Hà Thị T đứng tên giấy chứng nhận (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4, thửa đất có vị trí bên trong, không tiếp giáp với đường giao thông).

Trong diện tích 41,7m² đất ODT bị thu hồi của Hà Thị T thì có 24,3m² đất nằm trong vị trí từ 00 -50m đầu không tiếp giáp với lối đi công cộng > 03m có đơn giá bồi thường là 5.522.958 đồng/m² và 17,4m² đất nằm ở vị trí bên trong có đơn giá bồi thường là 3.364.130 đồng/m².

Việc xác định đơn giá bồi thường của từng thửa đất được xác định theo vị trí đất trên bản đồ địa chính theo các đoạn, đường giao thông và diện tích đất theo từng phạm vi tính của thửa đất và được UBND tỉnh L phê duyệt cụ thể tại Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B và xã T, huyện B, tỉnh Long An.

Do đó, việc áp giá bồi thường và giải quyết các chế độ cho bà Hà Thị T đã được UBND huyện thực hiện đúng theo quy định."

Bà T không nhận tiền bồi thường và tiếp tục khiếu nại về giá đền bù không được giải quyết.

Ngày 07/8/2024, bà T làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện B yêu cầu Chủ tịch UBND huyện xem xét lại phần giá cả đền bù đất theo giá thị trường đối với 50m đầu có liên thông với hẻm công cộng theo giá đền bù của hẻm B, đường B là 13.000.000đ/m².

Ngày 06/9/2024, Chủ tịch UBND huyện B có Văn bản số 1625/UBND-BQLDA V/v trả lời đơn của công dân như sau: “Bà Hà Thị T kiến nghị xem xét lại giá đền bù đất theo giá thị trường đối với 50m đầu có liên thông với hẻm công cộng, theo giá đền bù của hẻm 2 đường Bà Chánh T2 là 13.000.000đ/m² và bà đề nghị thống nhất 1 giá, không đồng ý đền bù 2 giá như quyết định đã bồi thường là không có cơ sở để xem xét giải quyết do việc áp giá bồi thường, hỗ trợ cho bà Hà Thị T đã được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất. Cụ thể là đúng theo đơn giá quy định tại

Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh L. (Đơn giá 13.186586 đồng/m² được áp dụng đối với thửa đất có vị trí trong 50m đầu không tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường N (đoạn từ Quốc lộ A đến chân cầu A) quy định tại tiết b, điểm 1, mục 1 phần A, khoản 1 Điều 1 Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2024 của UBND tỉnh L)".

Ngày 03/12/2024, bà T làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh L V/v giá đất bồi thường không công bằng (còn trong thời hạn 90 ngày).

Ngày 13/12/2024, bà nhận được văn bản số 12924/UBND-NCTCD ngày 11/12/2024 của UBND tỉnh L về việc hướng dẫn và trả đơn khiếu nại.

Theo nội dung văn bản: Thẩm quyền giải quyết đơn khiếu nại trên là của Chủ tịch UBND huyện B. Chủ tịch UBND tỉnh trả lại đơn và đề nghị bà Hà Thị T gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B để được giải quyết theo thẩm quyền.

Theo hướng dẫn và trả lại đơn của UBND tỉnh L. Ngày 15/12/2024, bà T làm đơn khiếu nại (lần 2) gửi Chủ tịch UBND huyện B V/v giá đất bồi thường không công bằng, yêu cầu khảo sát thực tế hiện trạng đất của bà T đang sử dụng và đề nghị đền bù thống nhất một giá.

Ngày 18/01/2025, bà T nhận được thông báo số 141/TB-UBND ngày 15/01/2025 của UBND huyện B V/v không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Lý do: Căn cứ nội dung đơn đề ngày 07/8/2024 của bà Hà Thị T (UBND tiếp nhận ngày 13/8/2024) thì bà Hà Thị T nhận được các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường và biết được hành vi về việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện cho bà Hà Thị T trước ngày 07/8/2024. Nhưng đến ngày 15/12/2024, bà Hà Thị T mới làm đơn khiếu nại hành vi hành chính của UBND huyện liên quan việc bồi thường đất cho bà T là đã quá 90 ngày về thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 “Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng” Đồng thời, các nội dung kiến nghị theo đơn khiếu nại đề ngày 15/12/2024 của bà Hà Thị T đã được UBND huyện trả lời tại Văn bản số 1625/UBND-BQLDA ngày 06/9/2024 về việc trả lời đơn của công dân, Biên bản đối thoại giải quyết khiếu nại của bà Hà Thị T ngày 30/10/2024 và quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND huyện về việc giải quyết khiếu nại của bà Hà Thị T (lần đầu).

Năm 1999, bà T được phân chia lô đất, các hộ đều thống nhất chừa lối đi có chiều rộng >3,5m và chiều dài hết đất để liên thông với hẻm D đường bà Chánh T2, thuận tiện cho các hộ bên trong lưu thông ra đường công cộng (Bản đồ hiện trạng có thể hiện lối đi này tiếp giáp đường công cộng). Ngoài ra thửa đất của bà T liền kề với thửa đất số 8 của em bà T tên Hà Văn S có lối đi tiếp giáp với đường bà Chánh T2.

Hiện tại thửa đất của bà T đang cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ D6/49A, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thuê, bà H đã xây dựng làm kho chứa xi măng và xe vận chuyển xi măng hàng ngày ra vào đường bà Chánh T2 (có hợp

đồng thuê bến bãi và bản ảnh kèm theo), rất thuận tiện đường bộ và đường thủy. Thu nhập của bà T hàng tháng 6.000.000 đồng.

Theo Bảng chiết tính giá tiền đền bù phần đất của bà T bị thu hồi trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp lối đi công cộng lớn hơn 3m; diện tích 24,30m², giá đền bù 5.522.958đ/m² và diện tích 17,40m², giá 3.364.130đ/m², tổng số tiền được đền bù 192.743.741 đồng. Bà T không đồng ý giá đền bù như trên, bởi vì thửa đất của bà T nằm trong phạm vi 50m đầu, có lối đi tiếp giáp với hẻm D đường bà Chánh T2 lớn hơn 3m (có bản ảnh kèm theo) và liền kề với thửa số 8, có lối đi ra đường bà Chánh T2 (có bản ảnh kèm theo) thuận tiện cho việc lưu thông đường bộ và đường thủy vậy mà UBND huyện chỉ bồi thường phần đất bị thu hồi của bà T có hai giá 5.522.958đ/m² và 3.364.130đ/m² chênh lệch quá lớn, không công bằng. Trong khi đó đất của bà T nằm trong phạm vi 50m đầu ven lối đi công cộng lớn hơn hoặc bằng 3m (theo bản thống kê đền bù đất do Trung tâm phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên môi trường tỉnh L xác nhận ngày 14/6/2021).

Tại Văn bản số 1625/UBND-BQLDA ngày 06/9/2024 của UBND huyện B trả lời tại mục 4 đoạn 2 có ghi “Bà Hà Thị T cho rằng thửa đất của bà nằm trong phạm vi 50m đầu, có lối đi tiếp giáp với hẻm công cộng lớn hơn 3m. Qua kiểm tra thực tế hiện trạng, lối đi trước nhà bà Hà T không phải là đường giao thông được Nhà nước công nhận và cập nhật, quản lý trên bản đồ địa chính (Lối đi này nằm trong diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các hộ dân)”. Mặc dù lối đi này chưa cập nhật trên bản đồ địa chính nhưng thực tế hiện trạng lối đi này đã hình thành từ rất lâu (năm 2000), trước khi được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân và đã tráng bê tông làm lối đi >3m, ngoài hàng rào các hộ dân.

Cùng mặt tiền sông như nhau, bị thu hồi đất như nhau, để làm bờ kè chống sạt lở, bảo vệ thị trấn B; đâu phải thu hồi đất để mở rộng đường giao thông nông thôn đâu, mà tính 50m đầu tiếp giáp đường và tính 50m đầu không tiếp giáp đường để phân ra có nhiều loại giá khác nhau có chỗ 13.000.000đ/1m²; có chỗ giá 7.889.940đ/m²; có chỗ giá 5.522.968đ/m², có chỗ giá 3.364.130đ/m². Trong khi đó quy định H1 2 bà C Thâu đường rất hẹp, < 2m (có ảnh kèm theo) thì trả giá 13.000.000đ/m²; còn tại Hẻm D bà Chánh T2 đường rộng > 3,5m (có ảnh kèm theo) thì trả cho bà T giá 5.522.968đ/m² và 3.364.130đ/m². Việc áp giá đền bù như hiện tại là không công bằng có thiệt thòi quyền lợi cho bà T.

Thực tế tại lô số 32 của bà Khuru Thị Thùy C1, sau khi nhận tiền đền bù xong đã bán lô đất số 12 cho ông Huỳnh Anh T3 số tiền trên 4 tỉ 500 triệu đồng, đơn giá 15.000.000đ/m², cao hơn giá Nhà nước đền bù.

Với những lý do trên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An: Hủy quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do áp giá không công bằng và đề nghị áp giá bồi thường 7.889.940đ/m² như giá đền bù trong phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp đường vì đất của

bà T nằm trong khung "Ranh 0 - 50m ven lối đi công cộng lớn hơn hoặc bằng 3m" theo bảng thống kê hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên, môi trường, tỉnh Long An, ngày 14/6/2021.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến tại Công văn 3303/UBND-NNMT ngày 22/5/2025 có nội dung:

Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Về thu hồi đất:

Căn cứ Quyết định số 15364/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện B về việc thu hồi đất của bà Hà Thị T để thực hiện dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B.

Căn cứ Quyết định số 11506/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND huyện B về việc điều chỉnh điều 1 Quyết định số 15364/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện B.

Tổng diện tích đất bị thu hồi của bà Hà Thị T là 49,3 m² thuộc một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 4 loại đất ODT.

Về bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B.

Căn cứ Quyết định số 9773/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B; (đợt 6).

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T được phê duyệt là 228.025.855 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng).

Về chính sách tái định cư:

Hộ gia đình bà Hà Thị T bị giải tỏa một phần đất ở, không phải di chuyển chỗ ở do đó không thuộc đối tượng được hỗ trợ chính sách tái định cư.

Về việc giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại của bà Hà Thị T:

Bà Hà Thị T có đơn kiến nghị (đề ngày 30/5/2023) gửi UBND huyện B về việc xem xét áp giá bồi thường không thỏa đáng trong bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B.

Ngày 10/7/2023, Chủ tịch UBND huyện B có ban hành Văn bản số 1025/UBND-QLDA về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Hà Thị T.

Bà Hà Thị T có đơn kiến nghị (đề ngày 07/8/2024) gửi UBND huyện B về việc xem xét lại phần giá đền bù đất theo giá thị trường 50m đầu có hẻm công cộng, theo giá đền bù là 13.000.000đ/m²; Bà đề nghị thống nhất 1 giá không đồng ý đền bù 2 giá như quyết định đã bồi thường.

Ngày 06/9/2024, Chủ tịch UBND huyện B có ban hành Văn bản số 1625/UBND-QLDA về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Hà Thị T.

Bà Hà Thị T có đơn khiếu nại đề ngày 27/9/2024 khiếu nại Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 06/11/2024, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1939/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Hà Thị T.

Bà Hà Thị T có đơn khiếu nại đề ngày 15/12/2024 khiếu nại hành vi hành chính của UBND huyện về việc áp giá không công bằng đối với thửa đất của bà. Yêu cầu áp giá 8.000.000 đồng/m².

Ngày 15/01/2025, UBND huyện B ban hành Thông báo số 141/TB- UBND về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.

Ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T:

Bà Hà Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B là không có cơ sở xem xét, giải quyết do việc áp giá bồi thường, hỗ trợ cho bà Hà Thị T đã được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật, phù hợp với giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất. Cụ thể là đúng theo đơn giá quy định tại Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh L.

Trên đây là ý kiến phúc đáp của UBND huyện B theo nội dung đề nghị của Toà án nhân dân tỉnh để xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền, Tòa án xác định đúng đối tượng, khi bà Hà Thị T khởi kiện là còn trong thời hiệu nên việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T đối với yêu cầu Hủy quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hà Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An: Hủy quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/11/2022 UBND huyện B ban hành Quyết định số 15476/QĐ-UBND. Không đồng ý với quyết định trên bà T khiếu nại. Ngày 06/9/2024, Chủ tịch UBND huyện B có ban hành Văn bản số 1625/UBND-QLDA về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Hà Thị T. Ngày 26/3/2025 bà T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND huyện B, tỉnh Long An có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện là phù hợp.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại, nhưng đại diện người khởi kiện có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại; Người bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Tố tụng hành chính Tòa án thu thập đầy đủ chứng cứ, không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Để thực hiện dự án kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B. UBND huyện B ban hành Quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B. Do đó, UBND huyện B, tỉnh Long An ban hành quyết định trên là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện:

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên Tòa hôm nay đại diện bà T cho rằng UBND huyện B áp giá bồi thường diện tích đất thu hồi của bà T không công bằng, đề nghị áp giá bồi thường 7.889.940đ/m² nên bà T khởi kiện yêu cầu

hủy quyết định trên của UBND huyện B. Xét yêu cầu của bà T thấy rằng:

Tại khoản 2 điều 74 Luật đất đai năm 2013 có quy định:

Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm Quyết định thu hồi đất.

Tại khoản 1 điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xác định giá đất cụ thể như sau:

Căn cứ nguyên tắc định giá đất qui định tại điều 112 của Luật đất đai, phương pháp định giá đất qui định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 điều 4 của Nghị định này và kết quả tổng hợp phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể.

Căn cứ vào các qui định trên, UBND tỉnh L ban hành: Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An; Quyết định số 4413/QĐ - UBND ngày 18/5/2022 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án kè chống sạt bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B.

Căn cứ vào các Quyết định trên của UBND tỉnh L, UBND huyện B ban hành: Quyết định số 13679/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 về việc phê duyệt phương án tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ trên địa bàn thị trấn B, huyện B để thực hiện công trình dự án kè chống sạt bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B. Căn cứ vào Quyết định số 13697/QĐ-UBND ngày 10/11/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình kè chống sạt bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B.

Bà T cho rằng: Thửa đất của bà T nằm trong phạm vi 50m đầu, có lối đi tiếp giáp với hẻm công cộng >3m. Theo thực tế hiện trạng sử dụng thì lối đi trước nhà bà T không phải là đường giao thông được Nhà nước công nhận và cập nhật, quản lý trên bản đồ địa chính, lối đi này nằm trong diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các hộ dân nên lời trình bày trên của bà T là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Qua phân tích trên, có cơ sở xác định UBND huyện B ban hành quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất đối với bà T là đúng qui định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy Quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện B là không có căn cứ nên không chấp nhận như quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên Tòa.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.100.000 đồng, bà Hà Thị T đã nộp tạm ứng. Bà T phải chịu. Bà T đã nộp xong.

Về án phí:

Bà Hà Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

UBND huyện B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn Điều 74 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ khoản 1 điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xác định giá đất

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Thị T đối với yêu cầu Hủy quyết định số 15476/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ của bà Hà Thị T để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn Bến Lức

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị T phải chịu 1.100.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Bà T đã nộp xong.

Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nhưng do bà T là người cao tuổi được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm nên bà T không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện B, tỉnh Long An không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Thanh

